

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

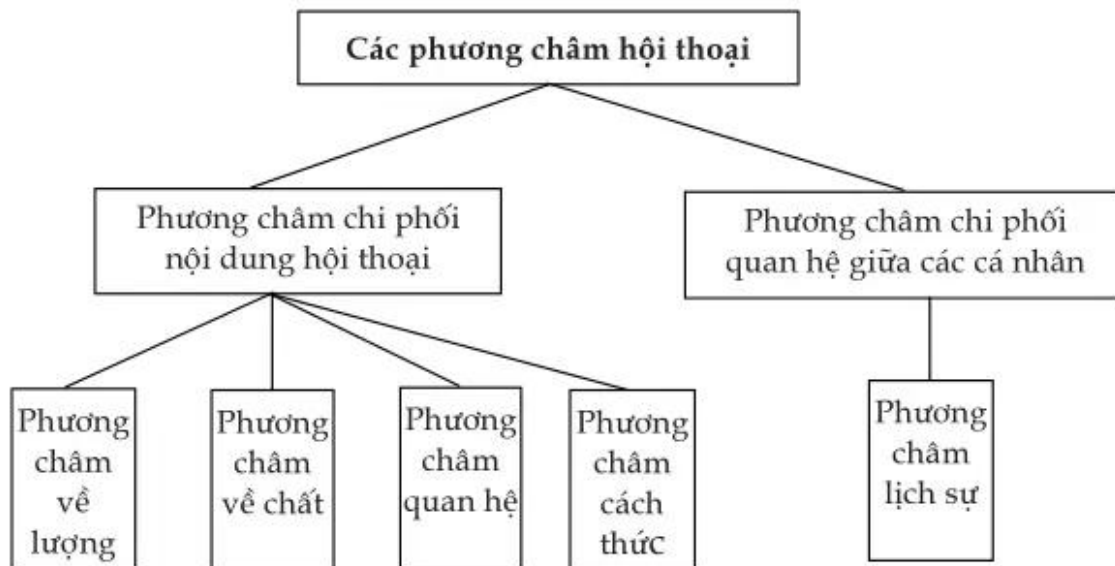
- Nắm được nội dung phương châm về lượng và phương châm về chất.
- Biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Phương châm hội thoại là một nội dung quan trọng của ngữ dụng học, bộ môn Ngôn ngữ học nghiên cứu phần nội dung của ngôn từ trong mối quan hệ với ngữ cảnh, với tình huống giao tiếp. Ở lớp 8, HS đã được học một số nội dung của ngữ dụng học như hành động nói, vai giao tiếp, lượt lời trong hội thoại. Vì vậy, HS đã có những hiểu biết nhất định về hội thoại. Tuy nhiên, phương châm hội thoại là một vấn đề hoàn toàn mới đối với các em.

2. Trong giao tiếp có những quy định tuy không được nói ra thành lời nhưng những người tham gia vào giao tiếp cần phải tuân thủ, nếu không thì dù câu nói không mắc lỗi gì về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp, giao tiếp cũng sẽ không thành công. Những quy định đó được thể hiện qua các phương châm hội thoại.

3. SGK trình bày năm phương châm hội thoại sau : *phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự*. Trong năm phương châm này, bốn phương châm đầu (phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm quan hệ, phương châm cách thức) chi phối nội dung của hội thoại. Grai (H.P. Grice) là người đầu tiên đề cập đến bốn phương châm này và ông đã xét chúng trong một phạm trù khái quát hơn được gọi là "nguyên tắc cộng tác hội thoại". Còn phương châm thứ năm (phương châm lịch sự) chi phối quan hệ giữa các cá nhân tham gia vào hội thoại. Có thể hình dung mối quan hệ giữa các phương châm hội thoại qua sơ đồ sau :



Tuy nhiên, để vấn đề đơn giản hơn, SGK không xét năm phương châm theo kiểu quan hệ có tính chất cấp độ như vậy (xem sơ đồ ở bài *Ôn tập phần Tiếng Việt*).

4. Để tránh sa vào lí thuyết, GV không đề cập đến khái niệm phương châm hội thoại, không giải thích ý nghĩa của tên gọi các phương châm mà tập trung vào nội dung của những phương châm này, qua đó giúp HS nhận thức rõ trong giao tiếp có những yêu cầu gì cần phải tuân thủ và tuân thủ như thế nào.

5. Cần hiểu rõ tuân thủ các phương châm hội thoại như phương châm về chất, phương châm lịch sự không phải hoàn toàn là yêu cầu thuộc về đạo đức. Việc tuân thủ những phương châm này trước hết xuất phát từ nhu cầu giao tiếp, nhằm bảo đảm cuộc hội thoại tiến triển đúng với mục đích của nó.

6. Nội dung của các phương châm đôi khi chồng chéo nhau. Chẳng hạn, phương châm về lượng có phần trùng với phương châm quan hệ và phương châm cách thức. Khi nói dài dòng thì người nói có thể vừa không tuân thủ phương châm về lượng (nội dung câu nói nhiều hơn đòi hỏi), vừa không tuân thủ phương châm quan hệ (nói không đúng vào đề tài) và phương châm cách thức (nói không ngắn gọn và rành mạch). Tuy những trường hợp chồng chéo như vậy không nhiều nhưng GV cần lưu ý để tránh áp đặt máy móc.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc đoạn đối thoại và trả lời câu hỏi : Khi An hỏi "học bơi ở đâu" mà Ba trả lời "ở dưới nước" thì câu trả lời có đáp ứng điều mà An cần biết không ?

Lưu ý là trong câu trả lời, HS cần phân tích rõ vì sao các em trả lời như vậy.

Câu hỏi gợi ý thêm :

- Bơi nghĩa là gì ?

- Bơi : di chuyển *trong nước* hoặc *trên mặt nước* bằng cử động của cơ thể.

Câu trả lời của Ba không mang nội dung mà An cần biết. Điều mà An muốn biết là một địa điểm cụ thể nào đó như ở bể bơi thành phố, sông, hồ, biển,... Nói mà không có nội dung dĩ nhiên là một hiện tượng không bình thường trong giao tiếp, vì câu nói ra trong giao tiếp bao giờ cũng cần truyền tải một nội dung nào đó.

Từ đó có thể rút ra bài học : khi nói, câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, *không nên nói ít hơn những gì mà giao tiếp đòi hỏi.*

Bước 2. GV hướng dẫn HS đọc hoặc kể lại truyện cười *Lợn cưới, áo mới.* Nên khuyến khích hình thức kể để rèn luyện cho HS kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói. Điều lưu ý này được áp dụng cho những văn bản có thể kể trong cụm bài về phương châm hội thoại.

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi :

- Vì sao truyện này lại gây cười ? Lẽ ra anh "lợn cưới" và anh "áo mới" phải hỏi và trả lời như thế nào để người nghe đủ biết được điều cần hỏi và cần trả lời ?

Truyện này gây cười vì các nhân vật nói nhiều hơn những gì cần nói. Lẽ ra chỉ cần hỏi : "*Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không ?*" và chỉ cần trả lời : "*(Nãy giờ) tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả.*"

- Như vậy, cần phải tuân thủ yêu cầu gì khi giao tiếp ?

Trong giao tiếp, *không nên nói nhiều hơn những gì cần nói.*

Bước 3. Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ.*

Hoạt động 2

Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc hoặc kể lại truyện cười *Quả bí khổng lồ* trong mục II (SGK) và yêu cầu các em trả lời câu hỏi :

- Truyện cười này phê phán điều gì ?

Truyện cười phê phán tính nói khoác.

- Như vậy, trong giao tiếp có điều gì cần tránh ?

Trong giao tiếp, *không nên nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật.*

Bước 2. GV hỏi thêm (phần này không có trong SGK) :

- Nếu không biết chắc *một tuần nữa lớp sẽ tổ chức cắm trại* thì em có thông báo điều đó (chẳng hạn nói : "*Tuần sau lớp sẽ tổ chức cắm trại.*") với các bạn cùng lớp không ?

– Nếu không biết chắc *vì sao bạn mình nghĩ học* thì em có trả lời với thầy cô là bạn ấy *nghĩ học* vì *ôm* không ?

Trong giao tiếp, *đừng nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực.*

Bước 3. So sánh để làm rõ sự khác nhau giữa yêu cầu được nêu ra ở bước 1 và bước 2.

Điểm khác nhau :

Yêu cầu ở bước 1 : Trong giao tiếp, *đừng nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật.* Ta không nên nói những gì trái với điều mà ta nghĩ.

Yêu cầu ở bước 2 : Trong giao tiếp, *đừng nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực.* Ta không nên nói những gì mà mình chưa có cơ sở để xác định là đúng. Nếu cần nói điều đó thì phải báo cho người nghe biết rằng tính xác thực của điều đó chưa được kiểm chứng. Chẳng hạn, nếu không biết chắc *vì sao bạn mình nghĩ học* thì không nên nói với thầy (cô) là : "*Thưa thầy (cô), bạn ấy ôm.*", mà nên nói chẳng hạn như : "*Thưa thầy (cô), hình như bạn ấy ôm.*"; "*Thưa thầy (cô), em nghĩ là bạn ấy ôm.*"...

Bước 4. Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ.*

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS làm bài tập.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi câu. Đây là dạng bài tập rèn luyện kĩ năng diễn đạt cho HS. Những câu được đưa ra để phân tích đều mắc một loại lỗi : sử dụng từ ngữ trùng lặp, thêm từ ngữ mà không thêm một phần nội dung nào. Nó không thuộc về hội thoại, nhưng qua việc học phương châm hội thoại về lượng, HS có thể vận dụng để phân tích loại lỗi quan trọng và phổ biến này.

a) "*Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà.*" : Câu này thừa cụm từ *nuôi ở nhà* bởi vì từ *gia súc* đã hàm chứa nghĩa *là thú nuôi trong nhà*.

b) "*Ến là một loài chim có hai cánh.*" : Tất cả các loài chim đều có hai cánh. Vì thế *có hai cánh* là một cụm từ thừa.

Bài tập 2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống : *nói trạng ; nói nhăng ; nói cuội ; nói có sách, mách có chứng ; nói dối ; nói mò.*

a) Nói có căn cứ chắc chắn là *nói có sách, mách có chứng.*

- b) Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là *nói dối*.
- c) Nói một cách hú hoạ, không có căn cứ là *nói mò*.
- d) Nói nhảm nhí, vu vơ là *nói nhăng nói cuội*.
- e) Nói khoác lác, làm ra vẻ tài giỏi hoặc nói những chuyện bông đùa, khoác lác cho vui là *nói trâng*.

Các từ ngữ này đều chỉ những cách nói tuân thủ hoặc vi phạm phương châm hội thoại về chất.

Bài tập 3. Với câu hỏi "*Rồi có nuôi được không ?*", người nói đã không tuân thủ phương châm về lượng (hỏi một điều rất thừa).

Bài tập 4. Đôi khi người nói phải dùng những cách diễn đạt như :

a) *như tôi được biết, tôi tin rằng, nếu tôi không lầm thì, tôi nghe nói, theo tôi nghĩ, hình như là,...*

Như đã học trong phần phương châm về chất, khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực. Trong nhiều trường hợp, vì một lí do nào đó, người nói muốn (hoặc phải) đưa ra một nhận định hay truyền đạt một thông tin, nhưng chưa có bằng chứng chắc chắn. Để bảo đảm tuân thủ phương châm về chất, người nói phải dùng những cách nói trên nhằm báo cho người nghe biết là tính xác thực của nhận định hay thông tin mà mình đưa ra chưa được kiểm chứng.

b) *như tôi đã trình bày, như mọi người đều biết.*

Phương châm về lượng đòi hỏi khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung của lời nói phải đúng như yêu cầu của giao tiếp, không thiếu, không thừa. Khi nói một điều mà người nói nghĩ là người nghe biết rồi thì người nói đã không tuân thủ phương châm về lượng. Trong giao tiếp, đôi khi để nhấn mạnh hay để chuyển ý, dẫn ý, người nói cần nhắc lại một nội dung nào đó đã nói hay giả định là mọi người đều biết. Khi đó, để bảo đảm phương châm về lượng, người nói phải dùng những cách nói trên nhằm báo cho người nghe biết là việc nhắc lại nội dung đã cũ là do chủ ý của người nói.

Bài tập 5. Bài tập yêu cầu giải thích nghĩa của các thành ngữ và cho biết phương châm hội thoại nào có liên quan đến những thành ngữ này.

- *Ăn đơm nói đặt* : vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác.
- *Ăn ốc nói mò* : nói không có căn cứ.
- *Ăn không nói có* : vu khống, bịa đặt.

- *Cãi chày cãi cối*: cố tranh cãi, nhưng không có lí lẽ gì cả.
- *Khua môi múa mép*: nói năng ba hoa, khoác lác, phô trương.
- *Nói dơi nói chuột*: nói lảng nhãng, linh tinh, không xác thực.
- *Hứa hươu hứa vượn*: hứa để được lòng rồi không thực hiện lời hứa.

Tất cả những thành ngữ trên đều chỉ những cách nói, nội dung nói không tuân thủ phương châm về chất. Các thành ngữ này chỉ những điều tối kị trong giao tiếp, HS cần tránh.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học* (tập hai) – *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

- Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.